

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 115/2022/DS-ST

Ngày 29 - 9 - 2022

“V/v T/c hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Việt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Ngọc Dung

Ông Lưu Xuân Vĩnh

- T ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lua là T ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Quách Anh T, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã KL, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Trần Hồng H (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã KT, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/4/2022, nguyên đơn bà Quách Anh T trình bày:

Ngày 12/11/2021 (âm lịch), bà T có cho bà Trần Hồng H vay số tiền 83.360.000 đồng, hình thức vay trả góp, mỗi ngày bà H phải trả góp cho bà T là 1.600.000 đồng, thời gian trả trong vòng 59 ngày, khi vay hai bên có làm giấy giao nhận tiền. Sau khi vay bà H đã trả góp cho bà T được 21 ngày với số tiền 33.600.000 đồng rồi ngưng trả góp. Bà H còn nợ bà T số tiền vay trả góp là 60.800.000 đồng.

Ngày 26/11/2021 (âm lịch), bà T tiếp tục cho bà Trần Hồng H vay số tiền 125.040.000 đồng, hình thức vay trả góp, mỗi ngày bà H phải trả góp cho bà T là 2.400.000 đồng, thời gian trả trong vòng 59 ngày, khi vay hai bên có làm giấy giao nhận tiền. Sau khi vay bà H đã trả góp cho bà T được 07 ngày với số tiền 16.800.000 đồng rồi ngưng trả góp. Bà H còn nợ bà T số tiền vay trả góp là 124.800.000 đồng.

Trước đây, bà H còn nợ bà T khoản tiền khác với số tiền 24.400.000 đồng.

Tổng cộng ba khoản nợ bà T yêu cầu bà H trả với số tiền là 210.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà T thay đổi và rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà H như sau: Hai khoản vay trả góp ngày 12/11/2021 (âm lịch) và ngày 26/11/2021 (âm lịch), bà T đồng ý đối trừ số tiền bà H đã trả góp vào số tiền gốc, bà T yêu cầu bà H trả số tiền gốc

còn lại sau khi đối trừ và tính lãi suất theo quy định pháp luật hai khoản vay này kể từ ngày bà H ngưng trả góp ngày 03/12/2021 (âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là 09 tháng. Đối với khoản nợ còn lại bà T rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà H về số tiền nợ 24.400.000 đồng. Các vấn đề khác bà T vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện như trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Trần Hồng H vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H.

[2] Về nội dung khởi kiện của bà Quách Anh T đối với bà Trần Hồng H, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T cho rằng có cho bà H vay trả góp hai khoản tiền như sau:

Ngày 12/11/2021 (âm lịch), bà T cho bà H vay số tiền 83.360.000 đồng, hình thức vay trả góp, mỗi ngày bà H phải trả góp cho bà T là 1.600.000 đồng, trả trong vòng 59 ngày, khi vay có làm giấy giao nhận tiền. Bà H trả góp cho bà T được 21 ngày với số tiền 33.600.000 đồng rồi ngưng trả góp.

Ngày 26/11/2021 (âm lịch), bà T cho bà H vay số tiền 125.040.000 đồng, hình thức vay trả góp, mỗi ngày bà H phải trả góp cho bà T là 2.400.000 đồng, trả trong vòng 59 ngày, khi vay có làm giấy giao nhận tiền. Bà H trả góp cho bà T được 07 ngày với số tiền 16.800.000 đồng rồi ngưng trả góp.

[2.1] Về giao dịch vay trả góp hai khoản tiền nói trên giữa bà T và bà H là thực tế có diễn, điều này phù hợp với nội dung 02 giấy giao nhận tiền có chữ ký tên của người nhận tiền là bà Trần Hồng H do bà T cung cấp có tại hồ sơ như giấy giao nhận tiền ngày 12/11/2021 thể hiện bà T giao cho bà H số tiền 83.360.000 đồng, bà H phải cho bà T mỗi ngày 1.600.000 đồng, thời gian trả đến khi đủ 60 ngày; giấy giao nhận tiền ngày 26/11/2021 thể hiện bà T giao cho bà H số tiền 125.040.000 đồng, bà H phải cho bà T mỗi ngày 2.400.000 đồng, thời gian trả đến khi đủ 60 ngày. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án bà H cũng không có ý kiến gì đối với nội dung khởi kiện của bà T. Bà T cho rằng khoản vay thứ nhất bà H trả góp được 21 ngày với số tiền 33.600.000 đồng và khoản vay thứ hai bà H trả góp được 07 ngày với số tiền 16.800.000 đồng, nay bà T thống nhất đối trừ số tiền bà H đã trả góp vào số tiền gốc là có căn cứ chấp nhận. Cụ thể đối trừ khoản vay ngày 12/11/2021 (âm lịch) gốc 83.360.000 đồng – 33.600.000 đồng = 49.760.000 đồng và khoản vay ngày 26/11/2021 (âm lịch) gốc 125.040.000 đồng – 16.800.000 đồng = 108.240.000 đồng. Sau khi đối trừ bà H phải trả cho bà T số tiền gốc hai khoản vay này tổng cộng là 158.000.000 đồng.

[2.2] Về lãi suất tiền vay: Hai bên thỏa thuận lãi suất hai khoản tiền vay trả góp nói trên, trong đó khoản vay ngày 12/11/2021 (âm lịch) mỗi ngày bà H trả góp cho bà T số tiền 1.600.000 đồng, trả trong thời gian 59 ngày và khoản vay ngày 26/11/2021 (âm lịch) mỗi ngày bà H trả góp cho bà T số tiền 2.400.000 đồng, trả trong thời gian 59 ngày, hai khoản vay này với mức lãi suất hơn 80%/năm là vượt mức lãi suất theo quy định pháp

luật, theo Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Do đó, cần phải điều chỉnh lại lãi suất hai khoản tiền vay bà H phải trả cho bà T theo mức lãi suất quy định pháp luật như bà T yêu cầu kể từ ngày bà H ngưng trả góp ngày 03/12/2021 (âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp. Cụ thể số tiền lãi của hai khoản tiền vay như sau: Tiền gốc 158.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 09 tháng (tính tròn kể từ ngày 03/12/2021 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm nhằm ngày 04/9/2022 âm lịch) = 23.605.000 đồng.

[2.3] Tổng cộng hai khoản vay nói trên tiền gốc và tiền lãi bà H phải trả cho bà T với số tiền 181.605.000 đồng.

[3] Đối với khoản tiền nợ bà T khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền 24.400.000 đồng, tại phiên tòa bà T rút lại yêu cầu khởi kiện này đối với bà H nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Do khởi kiện của bà T được chấp nhận nên bà H phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch 5% trên số tiền thực hiện nghĩa vụ với tiền án phí là 9.080.000 đồng. Bà T không phải chịu án phí, ngày 13/4/2022 bà T nộp tạm ứng án phí số tiền 5.250.000 đồng theo biên lai thu số 0010409 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được nhận lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận khởi kiện của bà Quách Anh T đối với bà Trần Hồng H.

Buộc bà Trần Hồng H phải có nghĩa vụ trả tiền vay cho bà Quách Anh T tiền gốc và lãi tổng cộng là 181.605.000 đồng (Một trăm tám mươi một triệu sáu trăm lẻ năm ngàn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực, bà Quách Anh T có đơn yêu cầu thi hành án, bà Trần Hồng H chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự có giá ngạch bà Trần Hồng H phải chịu 9.080.000 đồng (Chín triệu không trăm tám mươi ngàn đồng). Bà Quách Anh T không phải chịu án phí, ngày 13/4/2022 bà T nộp tạm ứng án phí số tiền 5.250.000 đồng (Năm triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010409 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được nhận lại.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Quách Anh T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Hồng H vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- CCTHADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP TANDHUM.

Bùi Văn Việt